

3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

3.1. Những yêu cầu cơ bản về phương pháp dạy học môn Ngữ văn

Mục tiêu dạy học của môn Ngữ văn trong chương trình mới là phát triển các phẩm chất, năng lực ngôn ngữ (gồm bốn kĩ năng đọc, viết, nói – nghe) và năng lực văn học. Năng lực là khả năng hành động, khả năng giải quyết vấn đề. Vì thế, khi thực hiện chương trình mới, GV cần chuyển từ cách dạy truyền thụ kiến thức cho HS sang hướng dẫn, tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập, qua đó hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực, cụ thể là:

– Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm: đọc VB, quan sát mẫu, trả lời câu hỏi, diễn kịch, thuyết trình, thảo luận, giải quyết tình huống, vẽ tranh,... từ đó tự kiến tạo tri thức cho bản thân.

– Dạy kĩ năng thông qua việc dạy kiến thức để HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc các VB khác cùng thể loại.

– Tổ chức cho HS thảo luận, tương tác trong nhóm nhỏ, nhóm lớn để học cách tiếp cận vấn đề dưới nhiều góc độ, học kĩ năng giao tiếp (nói, nghe, tương tác), kĩ năng hợp tác.

– Tổ chức cho HS suy ngẫm, tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau, từ đó điều chỉnh nhận thức của bản thân thông qua việc dùng bảng kiểm.

– Mỗi hoạt động học tập phải được thiết kế cụ thể, rõ ràng, thể hiện được các yêu cầu cần đạt.

Hướng dẫn, trợ giúp HS trong suốt quá trình học để giúp HS từng bước đạt được yêu cầu mà chương trình đề ra.

– Tạo môi trường thân thiện để HS hăng hái tham gia hoạt động với tư cách chủ thể tích cực, sáng tạo.

– Phản hồi kịp thời, phù hợp, tế nhị để HS giúp HS tiến bộ đồng thời tạo động lực học tập cho HS.

– Phối hợp sử dụng nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học. Cơ sở của việc lựa chọn và phối hợp các phương pháp, kĩ thuật dạy học là yêu cầu cần đạt đối với từng bài học, nội dung bài học, đối tượng HS, thời gian cho phép và sở trường của GV.

– Sử dụng và hướng dẫn HS sử dụng công nghệ thông tin phù hợp, nhằm tạo cơ hội cho HS tìm kiếm, trình bày, phân tích thông tin, tránh trường hợp chiếu chép.

– Đa dạng hoá hình thức tổ chức hoạt động: theo nhóm và cá nhân; hoạt động trong lớp, ngoài lớp, ngoài trường, ở nhà.

3.2. Phương pháp dạy đọc, viết, nói – nghe

3.2.1. Dạy đọc

Để hướng dẫn HS không chỉ hiểu nội dung VB mà còn biết cách đọc VB, GV cần phối hợp sử dụng các phương pháp và biện pháp dạy học, trong đó đặc biệt chú trọng:

3.2.1.1. Làm mẫu kĩ năng đọc

Một trong những cách học phổ biến là học thông qua quan sát mẫu. Học bằng cách quan sát là cách học cho phép HS học hành vi mới một cách hiệu quả, giảm thiểu được sự thất bại nếu tự học. Để đọc hiểu được một VB, người đọc phải sử dụng rất nhiều kĩ năng: liên tưởng, tưởng tượng, truy xuất kiến thức nền, suy luận, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, dự đoán, kiểm soát cách hiểu. Vì thế, GV cần phải làm mẫu cách đọc để HS không chỉ đọc được những VB trong SGK mà còn biết cách đọc các loại VB khác, ngoài chương trình học.

Làm mẫu cách đọc là biện pháp GV vừa đọc vừa nói to những suy nghĩ, những gì mình chú ý, hình dung, cảm xúc, suy đoán,... về VB. Bằng cách nói to những suy nghĩ của mình, GV giúp cho HS quan sát được cách mà một người đọc có kĩ năng sử dụng trong quá trình đọc. Đối với mỗi chủ điểm, GV có thể chọn một kĩ năng đọc (trong *Bảng thuật ngữ kĩ năng đọc*) để làm mẫu cách đọc cho HS. Tiến trình làm mẫu như sau:

- GV giải thích ngắn gọn về kĩ năng đó.
- Sau đó, chọn một đoạn trong VB, (có thể chiếu trên màn hình), chọn một từ ngữ hoặc hình ảnh.
- Đọc to đoạn đó và gạch chân/ đánh dấu vị trí mà GV định làm mẫu.
- Làm mẫu cách sử dụng kĩ năng đó bằng cách nói to những suy nghĩ trong đầu mình khi đọc, ví dụ:
 - + Từ này nên được hiểu thế nào đây?
 - + Mình đã gặp từ này trong đoạn trước.
 - + Có lẽ từ này nên được hiểu là...
 - +

Sau đó, GV dành vài phút cho HS thực hành trong nhóm kĩ năng đọc vừa học.

3.2.1.2. Sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở

Một trong những mục tiêu quan trọng của dạy học là phát triển năng lực tư duy cho HS. Câu hỏi và trả lời câu hỏi là một trong những công cụ hiệu quả để hình thành và phát triển phát triển năng lực tư duy sáng tạo, kĩ năng giao tiếp cho HS. Đọc chính là quá trình tư duy, đồng thời là quá trình trải nghiệm, khám phá VB. Bản thân ngôn

từ trong VB có tính đa nghĩa, mỗi người đọc lại có tri thức nền khác nhau nên một từ ngữ, hình ảnh có thể gợi lên những cách hiểu khác nhau, đặc biệt là đối với VB văn chương, không có cách hiểu nào là duy nhất đúng. Sự đa dạng về cách hiểu VB giúp HS có cơ hội thể hiện và tiếp nhận những cách nhìn khác nhau về VB, làm cho giờ học thêm hứng thú. Vì thế mà trong giờ đọc hiểu VB, vai trò của GV là tổ chức, hướng dẫn HS từng bước trải nghiệm, khám phá tri thức thông qua các câu hỏi, các hướng dẫn, không áp đặt, truyền thụ kiến thức một chiều, cũng không mớm sẵn câu trả lời cho HS.

Sử dụng câu hỏi trong dạy học nói chung, dạy đọc VB nói riêng là một biện pháp dạy học rất quan trọng, tạo cơ hội cho HS kiến tạo tri thức về VB, về thể loại, về cuộc sống, qua đó hình thành và phát triển năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời đạt được những yêu cầu cần đạt về năng lực đọc hiểu VB mà CTGDPT môn Ngữ văn (2018) đã đề ra.

Câu hỏi cần được sử dụng ở các cấp độ từ nhận biết đến phân tích, suy luận, liên hệ, vận dụng, đánh giá. Các cấp độ câu hỏi này phù hợp quy trình nhận thức về VB: từ nhận biết ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đến phân tích, suy luận để khám phá ý nghĩa của các ngôn từ, hình ảnh, chi tiết, sự kiện đó, diễn giải mối quan hệ giữa chúng với tính cách nhân vật, chủ điểm, VB,... để từ đó nhận ra tính chỉnh thể, tính thống nhất về nội dung và hoàn chỉnh về hình thức của VB.

Ngoài việc nêu câu hỏi cho HS trả lời, GV cần hướng dẫn và tạo cho cơ hội HS tự đặt câu hỏi cho mình trong quá trình đọc và đặt câu hỏi cho bạn trong khi thảo luận. Điều này góp phần làm cho HS trở thành người đọc chủ động.

3.2.1.3. Tổ chức cho học sinh tương tác trong giờ học

Đọc là quá trình tương tác giữa VB/ tác giả với người đọc và giữa những người đọc với nhau. Ở mỗi thời điểm khác nhau, những người đọc với kiến thức nền, quan điểm khác nhau có thể có những cách lí giải khác nhau về VB. Tính đa nghĩa của hình tượng nghệ thuật cũng là một nhân tố góp phần tạo nên sự phong phú cho những cách lí giải đó. Trong nhà trường, hoạt động đọc là tiến trình tương tác giữa VB với người đọc – GV và với người đọc – HS. GV vừa là một trong những người đọc (có kinh nghiệm hơn) trong lớp học, vừa là người tổ chức tiến trình tương tác này. Vai trò của GV không phải là truyền thụ hiểu biết của bản thân về VB cho HS. HS không phải là người ghi chép, học thuộc những lời giảng của GV mà là những người tham gia vào quá trình kiến tạo nghĩa cho VB. Quy mô và mức độ của sự tương tác giữa những người đọc (HS – HS, HS – GV) sẽ rất phong phú, nếu GV biết cách tổ chức cho HS thảo luận, chia sẻ ý tưởng, nhận thức về VB và về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên. Nếu việc đọc xảy ra trong một cộng đồng thì sự tương tác với cộng đồng sẽ tác động đến cách lí giải của người đọc về VB. Một VB được nhiều người đọc và thảo luận thì trong quá trình trao

đổi, thảo luận, sự va chạm, tương tác giữa những ý tưởng của những người đọc khác có thể giúp cả GV lẫn HS định hình rõ hơn cách hiểu về VB, khơi gợi những ý tưởng khác về VB hoặc điều chỉnh cách hiểu trước đó về VB. Vì thế, GV cần tổ chức cho HS tương tác, thảo luận để HS điều chỉnh cách hiểu về VB và để nhận thấy rằng có nhiều cách hiểu về VB, để học cách trình bày, bảo vệ quan điểm của mình, cách phản biện và tôn trọng những ý kiến khác biệt.

Nội dung cho HS thảo luận bao gồm:

– Thảo luận về nội dung và hình thức nghệ thuật của VB: ý nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh, về quan điểm sống, cách hành xử của nhân vật, về quan điểm của tác giả, về cách xây dựng nhân vật, cách sử dụng từ ngữ và các biện pháp nghệ thuật,...

– Thảo luận về những vấn đề của cuộc sống do VB gợi lên, ví dụ vấn đề sử dụng mạng xã hội của HS, GV nên hành xử thế nào nếu vô tình có lỗi với HS,...

– Thảo luận về những ý kiến, quan điểm độc đáo, khác biệt của một HS nào đó trong lớp.

Hình thức tổ chức thảo luận đa dạng: thảo luận trong nhóm hai HS, 4 đến 5 HS thảo luận giữa các HS trong cả lớp. Sau khi HS thảo luận xong, GV cần cho đại diện các nhóm hoặc một số nhóm (nếu không đủ thời gian) trình bày ý kiến, sản phẩm của mình và cho các nhóm khác góp ý, nhận xét. Những lí giải thú vị, độc đáo của HS, nhóm HS về VB cần được GV khen ngợi, tôn trọng. Dựa trên những ý kiến phản hồi, tranh luận của HS về VB, GV có thể điều chỉnh nội dung dạy học/ điều chỉnh kế hoạch dạy học. Như vậy, “sản phẩm” của giờ học có sự đóng góp của cả HS lẫn GV chứ không phải chỉ của riêng GV và GV áp đặt cho HS.

3.2.1.4. Hướng dẫn học sinh kết hợp viết ngắn trong quá trình đọc

Đọc, viết, nói và nghe là bốn kĩ năng giao tiếp có mối quan hệ chặt chẽ, đọc tốt giúp tăng kĩ năng viết, viết giúp tăng kiến thức về ngôn ngữ, giúp đọc tốt hơn, hiểu rõ hơn cái được đọc, nhớ lâu hơn. Nghe tăng kĩ năng nói. Viết ngắn trong quá trình đọc là biện pháp giúp HS thể hiện và lưu giữ ý tưởng bằng hình thức viết (khác với việc viết bài luận về VB sau khi học để kiểm tra kiến thức về VB). Vì thế, trong quá trình đọc, GV cần tổ chức và hướng dẫn HS ghi chép những gì suy nghĩ, ý tưởng trong quá trình đọc bằng nhiều cách khác nhau (không phải là chép những gì GV giảng và đọc). GV có thể hướng dẫn HS viết ngắn bằng nhiều hình thức, thực hiện ở nhà hoặc trên lớp. Ví dụ:

– Điền vào phiếu học tập.

– Làm phiếu từ hay.

– Vẽ sơ đồ kết cấu, sơ đồ tính cách nhân vật, sơ đồ so sánh hai nhân vật, sự kiện,...

– Vẽ tranh thể hiện sự tưởng tượng của mình về nhân vật, sự kiện hoặc cảnh vật được miêu tả trong VB.

– Viết đoạn văn sau khi đọc VB trình bày những suy nghĩ, cảm nhận về VB hoặc sáng tạo thêm một đoạn viết về nhân vật hoặc viết lại cái kết của VB.

– Viết nhật kí đọc sách.

–

Những gì HS viết, vẽ,... có thể được sử dụng để trao đổi, thảo luận trong giờ đọc hiểu VB đồng thời được tập hợp vào một hồ sơ học tập để làm minh chứng để đánh giá quá trình học tập của HS.

3.2.1.5. Tổ chức cho học sinh đóng vai

Một trong những hình thức trải nghiệm VB thú vị, hữu ích là hoá thân vào nhân vật để cảm nhận sâu sắc những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, để hiểu vì sao nhân vật hành xử như thế này mà không phải thế khác. Trong giờ đọc hiểu VB, GV nên tổ chức cho HS diễn kịch, đóng vai để tạo cho HS cơ hội thử nghiệm những vai trò, tình huống khác nhau trong một môi trường giả định an toàn. Khi diễn kịch, đóng vai, HS cơ có hội học cách ứng xử, trải nghiệm những cảm xúc khác nhau, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng giao tiếp, đồng thời giúp phát triển trí thông minh cảm xúc cho HS. Qua đó, HS học kiến thức một cách chủ động, thú vị, sáng tạo. GV có thể tổ chức cho HS:

– Phân vai, đọc diễn cảm một tác phẩm, thể hiện cảm xúc, tính cách nhân vật bằng giọng đọc.

– Tưởng tượng mình là một nhân vật trong VB để hình dung nếu mình ở trong hoàn cảnh của nhân vật đó thì mình sẽ giải quyết vấn đề như thế nào, sẽ có những cảm xúc, suy nghĩ gì.

– Mời một HS đóng vai nhân vật hoặc đóng vai tác giả để những HS khác với vai trò là người đọc, nêu câu hỏi cho nhân vật hoặc tác giả.

– Sân khấu hoá một đoạn trích trong một VB văn học.

3.2.2. Dạy viết

3.2.2.1. Làm mẫu kĩ năng viết

Tạo lập VB là một hoạt động nhận thức phức tạp, để biết cách tạo lập một VB, HS cần được học cách làm. Trong lớp học, GV chính là một người viết có kinh nghiệm, và cần giải thích và làm mẫu kĩ năng viết xảy ra như thế nào cho HS quan sát, để từ đó học cách làm, ví dụ: cách phân tích đề, cách lập dàn ý, cách viết câu chủ đoạn, cách viết mở bài, kết bài,... Để HS có thể “thấy” và hiểu được những hoạt động tư duy xảy ra trong đầu GV khi viết, ví dụ như khi nảy sinh, chọn lựa các ý tưởng, viết thành câu rồi lại xoá, bổ sung,... GV cần phải nói to những suy nghĩ của mình, trực quan hoá cách làm của mình bằng những lời nói (think-aloud). Điều này tương tự như một GV toán

trình bày cách giải bài toán của mình bằng lời nói để giúp HS “nhìn thấy” logic tư duy của GV khi giải bài toán.

Trong quá trình làm mẫu cách viết, GV nên:

- Giải thích mục đích của việc GV làm mẫu là để HS học cách viết.
- Nói rõ kĩ năng mà GV sẽ làm mẫu cho HS, ví dụ: Hôm nay chúng ta sẽ học cách triển khai luận điểm trong bài văn nghị luận,...
- Yêu cầu HS chú ý nghe những gì GV nói, quan sát các hoạt động viết của GV, ghi lại những gì HS quan sát được về cách tạo lập VB, ví dụ: Cô giáo đã lập dàn ý bằng cách,...

– Chọn một phương diện cụ thể của kiểu loại VB để làm mẫu, ví dụ: cách viết mở bài cho một bài văn nghị luận, cách triển khai một luận điểm. Nếu làm mẫu cách viết toàn bộ một bài văn trong một tiết thì sẽ gây quá tải cho HS.

– Trong quá trình làm mẫu kĩ năng viết, GV nên dùng máy chiếu hoặc bảng phụ để vừa viết vừa nói to những suy nghĩ của mình khi viết. Điều này giúp HS nhìn rõ những ý tưởng của GV đang được thể hiện như thế nào trên trang giấy, kể cả những phút ngập ngừng để suy nghĩ tiếp, để tìm từ thích hợp, những đoạn viết ra xong lại xoá đi, cách chọn ý nào là luận điểm, cách đưa dẫn chứng chứng minh cho luận điểm,... Ví dụ, vừa viết, GV vừa nói:

- + Viết câu mở bài thế nào để hấp dẫn người đọc nhỉ?
- + Đến đây, thầy/ cô sẽ xuống dòng, chuyển qua một đoạn khác.
- + Thầy/ cô nghĩ là thầy phải nhìn lại dàn ý xem có bỏ sót ý nào không?
- + Có lẽ là cần thay thế từ “...” bằng từ “...” thì mới phù hợp.
- + ...

– Sau khi kết thúc việc làm mẫu, GV yêu cầu HS trình bày những gì họ nghe và quan sát được về cách tạo lập VB của GV, những bài học kinh nghiệm mà HS rút ra được sau khi quan sát và có thể vận dụng khi tạo lập một VB tương tự về kiểu loại.

– Yêu cầu HS thực hành viết.

Lưu ý:

– Trong quá trình làm mẫu, GV không nêu câu hỏi, yêu cầu HS phát biểu, đề xuất ý tưởng, cách của HS.

– Giải thích rõ cái mình đang nghĩ, đang viết và tại sao lại viết như vậy.

3.2.2.2. Hướng dẫn phân tích văn bản mẫu

Thể loại là dạng thức của VB, thể hiện cách thức sử dụng ngôn ngữ trong một dạng thức nhất định. Trong chương trình Ngữ văn 6, HS học cách tạo lập các kiểu VB: biểu cảm, tự sự, sáng tác, tả cảnh, nghị luận, thuyết minh. Để có thể tạo lập được VB theo các kiểu, trước tiên, HS cần được học để hiểu rõ kiểu này khác với kiểu kia như thế nào. Để đạt được mục tiêu này, GV cần hướng dẫn HS phân tích VB mẫu. Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là phương pháp hướng dẫn HS đọc, quan sát, phân tích nội dung, cấu trúc một VB mẫu, cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong VB đó để qua đó, HS học cách tạo lập kiểu VB. Như vậy, HS không học lí thuyết suông về VB như cách dạy hiện nay mà học lí thuyết thông qua một VB mẫu, tức một ví dụ cụ thể. Dưới đây là ví dụ VB mẫu về viết đoạn văn (tr. 75, tập một):

Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Mở đoạn	<p>Công cha như núi ngất trời Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông Núi cao biển rộng mênh mông Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi.</p>	
Thân đoạn	<p>Bài ca dao trên luôn gợi cho tôi những cảm xúc sâu lắng⁽¹⁾ về "công cha, nghĩa mẹ"^(*). Với âm hưởng ngọt ngào của thể thơ lục bát, bài ca dao làm tôi nhớ⁽¹⁾ đến lời ru thân thương thuở nào. Những hình ảnh so sánh quen thuộc như "núi ngất trời"⁽²⁾ và "nước ở ngoài Biển Đông"⁽²⁾ giúp tôi hình dung về công lao không thể nào đong đếm được của đấng sinh thành⁽¹⁾. Đúng vậy, làm sao có thể kể hết bao khó khăn, nhọc nhằn mà cha mẹ đã trải qua để nuôi dưỡng chúng ta nên người!⁽¹⁾ Câu cuối "cù lao chín chữ ghi lòng con ơi"⁽²⁾ là lời dặn dò chân thành, tha thiết và cũng là lời dạy của người xưa về bổn phận làm con. Làm con là phải khắc ghi công ơn trời biển ấy. Những câu ca dao về tình cha, nghĩa mẹ như vậy đã nuôi dưỡng tâm hồn tôi từ thơ bé, giúp tôi thấm thía những yêu thương mà mình nhận được trong đời.</p>	<div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; margin-bottom: 10px;">(*) Câu chủ đề của đoạn văn.</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px; margin-bottom: 10px;">1. Những từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc của người viết về bài thơ lục bát.</div> <div style="border: 1px solid black; border-radius: 10px; padding: 5px;">2. Những từ ngữ trong ngoặc kép là những bằng chứng được trích từ bài ca dao để làm rõ cảm xúc của người viết.</div>
Kết đoạn	<p>(Nhóm biên soạn)</p>	

Sau khi cho HS quan sát mẫu, GV hướng dẫn HS nhận biết: (1) cấu trúc chung của VB; (2) đặc điểm của từng phần trong VB; (3) đặc điểm ngôn ngữ được sử dụng trong VB để nhận biết yêu cầu về ngôn ngữ đối với kiểu loại VB đó. Từ đó khái quát các đặc điểm chung của kiểu VB.

Hướng dẫn HS phân tích VB mẫu là sự thể hiện của việc tích hợp dạy đọc với dạy viết, mục đích chính là để học cách tạo lập VB tương tự về kiểu VB.

3.2.2.3. Hướng dẫn quy trình viết

Vì “viết là một tiến trình” nên GV không áp đặt quan điểm của mình, không lập dàn ý mẫu cho HS copy mà tổ chức cho HS học cách viết trong suốt tiến trình tạo lập VB với sự trợ giúp của GV, sự tương tác với các bạn học.

Vai trò của người GV trong dạy học viết dựa trên tiến trình là trợ giúp, tư vấn, người đọc, người lắng nghe, là người tạo ra môi trường để HS cảm thấy thoải mái, tự tin tìm ra giọng điệu của chính mình để chia sẻ sản phẩm của họ. GV cần tạo cho HS cơ hội chọn lựa đề tài, tự thực hiện hoạt động viết, xem xét, khám phá sự phát triển của những ý tưởng của chính họ và bạn học, viết nháp, thử nghiệm các hình thức VB khác nhau mà họ cho là hình thức đó sẽ giúp họ giao tiếp tốt hơn. Qua đó, họ học cách tạo lập VB. Điều này hoàn toàn khác với cách dạy tập trung vào việc phân tích những bài mẫu có sẵn và copy các bài mẫu.

Để làm được điều này, GV phải tạo ra môi trường học tập thoải mái, không tạo áp lực cho HS, khuyến khích, trợ giúp họ trong suốt tiến trình viết. Sản phẩm của HS cần được thảo luận xem có thể làm gì để bài viết tốt hơn. GV cần làm cho HS hiểu là hoạt động viết là hoạt động tiếp diễn, sự thay đổi, phát triển ý tưởng tiếp tục xảy ra cho đến khi sản phẩm cuối cùng; đồng thời, GV cần phải kiên nhẫn, cho HS đủ thời gian để nảy sinh ý tưởng, thu thập thông tin, đọc lại và chỉnh sửa.

Nhiệm vụ của HS không chỉ là tạo lập VB mà còn là phản hồi, tự đánh giá, đánh giá bài viết của bạn, chỉnh sửa nhiều lần để tạo ra VB tốt hơn. Cách dạy này khác với cách dạy hiện nay: GV cung cấp lí thuyết về cách viết cho HS, cung cấp bài mẫu, sau đó giao đề tài cho HS, HS rất có thể copy bài mẫu.

Để hướng dẫn HS thực hiện quy trình viết, GV cần:

- Ra đề bài để HS có cơ hội học bằng cách làm, thông qua làm.
- Hướng dẫn HS xác định yêu cầu bài viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Viết là một trong những cách để chúng ta giao tiếp với những người khác, là một hoạt động tương tác xã hội. Và để giao tiếp hiệu quả, chúng ta cần xác định nội dung sẽ viết, mục đích viết, người đọc tương lai. Nghĩa là khi giao tiếp dù bằng hình thức nào, người nói, người viết cũng cần trả lời các câu hỏi: Đối tượng giao tiếp của tôi là ai? Mục đích, nội dung giao tiếp là gì? Với đối tượng và mục đích đó, nội dung và cách thức giao tiếp nên như thế nào?
- Hướng dẫn HS tìm ý, lập dàn ý bằng cách thu thập thông tin liên quan đến đề tài, kiểu loại VB trong sách, trên mạng,... thảo luận nhóm lập sơ đồ dàn ý,...

– Tổ chức cho HS viết bản thảo, có thể viết một đoạn trên lớp, viết bài ở nhà. GV cần cung cấp cho HS tiêu chí đánh giá kiểu bài hoặc bảng kiểm và giải thích rõ ý nghĩa của từng tiêu chí để giúp HS định hướng bài viết của mình. Bảng tiêu chí này được xây dựng dựa trên đặc điểm, yêu cầu của kiểu VB (kiểu bài nghị luận, kiểu bài kể chuyện,...). Như vậy, các tiêu chí, bảng kiểm có hai chức năng: (1) hướng dẫn HS để HS biết cách làm; (2) công cụ để HS tự đánh giá bài viết của mình và đánh giá lẫn nhau. Qua đó, HS có thể được hình thành và phát triển khả năng tự định hướng, tự điều chỉnh. Tiêu chí còn là công cụ để GV đánh giá HS.

– Tổ chức cho HS xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm bằng cách:

+ Hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm để tự kiểm tra và chỉnh sửa bài viết.

+ Hướng dẫn HS chỉnh sửa bài lẫn nhau theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa trên bảng kiểm.

+ Cho HS rút ra bài học kinh nghiệm về cách viết.

3.2.3. Dạy Nói và nghe

3.2.3.1. Dạy nói

Khi dạy nói, GV cần:

– Hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi người nghe của tôi là ai, họ muốn biết những gì về điều tôi sẽ nói, mục đích nói của tôi là gì. Từ đó, hướng dẫn HS xác định nội dung nói và cách nói.

– Hướng dẫn cách thức, quy trình chuẩn bị một bài nói (dựa trên bài đã viết) về nội dung (trong trường hợp HS đã có bài viết thì hướng dẫn HS chuyển nội dung bài viết thành bài nói) và về cách nói (cách thức và quy trình chuẩn bị một cuộc thảo luận, tranh luận và cách tham gia thảo luận, tranh luận).

– Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm để kiểm soát bài nói của bản thân.

3.2.3.2. Dạy nghe

Khi dạy HS nghe, GV nên:

– Làm mẫu cách lắng nghe người nói bằng cách: nhìn vào mặt người nói, nêu câu hỏi cho người nói về những gì chưa rõ, nhắc lại điều người nói vừa trình bày để đảm bảo hiểu đúng ý người nói.

– Dùng mảnh giấy nhỏ ghi chép vắn tắt những gì đã nghe.

– Dùng bảng kiểm để góp ý cho bài nói của bạn bằng giọng điệu nhẹ nhàng và bằng những mẫu câu như: bài nói của bạn rất hay nhưng nếu có thể, bạn làm rõ thêm,...; Nếu là tôi, tôi sẽ,...; Nên chăng bạn tập trung vào nội dung,....

3.2.3.3. *Dạy nói – nghe tương tác*

Hướng dẫn HS:

- Kiên nhẫn chờ đến lượt mình nói, không ngắt lời người nói.
- Nối tiếp cuộc hội thoại bằng những câu hỏi, lời nhận xét, bổ sung gắn với chủ đề cuộc thảo luận/ tranh luận/ đối thoại.
- Tôn trọng người nói và những ý kiến khác biệt.
- Hợp tác, giải quyết vấn đề với thái độ tích cực.

3.2.4. *Dạy tiếng Việt*

Việc dạy tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn 2018 không nhằm cung cấp kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ, mà nhằm phục vụ việc đọc hiểu và tạo lập các loại VB. Do đó, ngữ liệu được sử dụng trong dạy học tiếng Việt cần được tích hợp với ngữ liệu đã được lựa chọn ở phần đọc hiểu. Điều này giúp HS gắn kết được các kiến thức ngôn ngữ vào quá trình tiếp nhận VB, từ đó có thể nâng cao năng lực đọc hiểu. Tuy nhiên, GV cũng có thể cân nhắc thêm việc những ngữ liệu gắn với thực tế sử dụng ngôn ngữ trong đời sống hàng ngày để tạo hứng thú cho HS.

Ngoài ra, để việc dạy học các đơn vị kiến thức tiếng Việt trong CTGDPT môn Ngữ văn đạt hiệu quả, GV lưu ý đến việc tích hợp dạy tiếng Việt vào các hoạt động dạy học các kĩ năng khác như viết, nói và nghe.

Dạy Tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* gồm hai nội dung chính là:

- *Tri thức tiếng Việt*: cung cấp cho HS một số hiểu biết cơ bản về tiếng Việt, đủ để các em vận dụng vào quá trình tiếp nhận và tạo lập VB.
- *Thực hành tiếng Việt*: gồm thực hành luyện tập, vận dụng những kiến thức tiếng Việt mới được giới thiệu ở bài học thực hành những kiến thức đã được học ở những bài trước đó hoặc cấp Tiểu học.

Trong đó, nội dung trọng tâm của việc dạy học tiếng Việt trong sách *Ngữ văn 6* là thực hành. Thông qua thực hành, HS sẽ hiểu hơn về các đơn vị kiến thức tiếng Việt và vận dụng chúng vào thực tế sử dụng ngôn ngữ.

3.2.4.1. *Dạy Tri thức tiếng Việt*

GV có thể sử dụng một số phương pháp, biện pháp sau:

- Dùng lời để thông báo, giới thiệu, giải thích cho HS về những đơn vị kiến thức mới được xác định ở phần *Tri thức tiếng Việt*.
- Sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS phân tích các ngữ liệu mẫu để đi đến việc rút ra các đơn vị kiến thức tiếng Việt cơ bản.

– Sử dụng mẫu ngữ liệu được cung cấp ở phần *Tri thức tiếng Việt* hoặc do GV lựa chọn và hướng dẫn HS quan sát, phân tích ngữ liệu ấy theo định hướng của bài học để rút ra nội dung kiến thức cần lĩnh hội.

– Kết hợp sử dụng các phương tiện trực quan (sơ đồ, biểu bảng,...) để hỗ trợ HS lĩnh hội kiến thức.

3.2.4.2. *Dạy Thực hành tiếng Việt*

Đối với những nội dung *Thực hành tiếng Việt*, GV có thể:

– Sử dụng câu hỏi để hướng dẫn HS giải quyết các bài tập thực hành hoặc dùng câu hỏi để kiểm tra, đánh giá kết quả thực hành của HS.

– Tổ chức thảo luận nhóm để trao đổi, chia sẻ kết quả bài tập với nhau cũng như thực hiện việc tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng về mức độ thông hiểu và vận dụng kiến thức.

– Tổ chức thực hành dưới hình thức trò chơi để kích thích động cơ, hứng thú học tập của HS.

Ngoài ra, GV có thể kết hợp sử dụng một số kĩ thuật sau để làm cho phần *Thực hành tiếng Việt* thêm hấp dẫn, sinh động như phiếu học tập, kĩ thuật khăn trải bàn đối với những bài tập mang tính “vấn đề”, sơ đồ tư duy,...

3.2.5. *Dạy viết ngắn/ viết đoạn*

Đây là nội dung dạy học mang tính tích hợp cao: tích hợp kĩ năng đọc với viết, tích hợp nội dung tiếng Việt vào hoạt động đọc và viết. Vì vậy, GV có thể tổ chức nội dung dạy học theo những gợi ý dưới đây:

– Hướng dẫn HS viết theo hình thức cá nhân. Lưu ý HS vận dụng những hiểu biết đã có trong các VB vừa đọc và kiến thức tiếng Việt vừa học vào viết đoạn.

– Tổ chức cho HS chia sẻ, trao đổi đoạn viết với nhau theo hình thức cặp đôi hoặc công bố trên bản tin học tập của lớp.

– Hướng dẫn HS tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng bằng bảng kiểm (checklist) hoặc kĩ thuật 321.

– Tổ chức nhận xét, đánh giá, sửa chữa một vài sản phẩm tiêu biểu.

– Nhắc HS lưu giữ sản phẩm trong hồ sơ học tập cá nhân.

Việc viết ngắn có thể được thực hiện tại lớp hoặc ở nhà tùy theo điều kiện thời gian của lớp học. Tuy nhiên GV cần tổ chức nhận xét, đánh giá một vài sản phẩm tiêu biểu trên lớp.